

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY TÍN CHỈ
(ĐỢT THÁNG 10 NĂM 2023)**

Căn cứ Quyết định số 1005/QĐ-CĐXD ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế học vụ đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ;

Căn cứ Chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021 và Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kế hoạch thực hiện đồ án/ khóa luận tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng chính quy tín chỉ khóa 2019, 2020, 2021 đợt tháng 10/2023 như sau:

1. Quy định về làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp:

Nhà trường quy định về việc thực hiện đồ án/ khóa luận tốt nghiệp, cụ thể như sau:

Làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên cao đẳng chính quy tín chỉ khối ngành kỹ thuật, công nghệ khóa 2019, 2020, 2021 đủ điều kiện làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp. Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 05 tín chỉ.

2. Điều kiện và thời gian làm đồ án/ khóa luận:

a) Điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án/ khóa luận tốt nghiệp:

- Điểm trung bình chung tích lũy tính đến thời điểm xét đạt từ 2,0 (5.5 theo thang điểm 10) trở lên, đạt 80% thời lượng chương trình đào tạo trở lên đối với sinh viên cao đẳng chính quy tín chỉ cụ thể:

Stt	Ngành đào tạo	Thời lượng chương trình đào tạo phải đạt		Ghi chú
		Khoá 2019, 2020	Khoá 2021	
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	64	69	
2	Công nghệ kỹ thuật giao thông	60	67	
3	Quản lý xây dựng	60	68	
4	Cấp, thoát nước	60	68	
5	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	60	63	
6	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	60	63	
7	Thiết kế nội thất	60	61	

- Đạt yêu cầu các học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo (có danh sách các học phần đính kèm, được Ban Giám hiệu phê duyệt).

- Đã hoàn thành hoặc đang tham gia học phần thực tập tốt nghiệp thuộc chương trình

đào tạo (Sinh viên không đạt yêu cầu học phần thực tập tốt nghiệp sẽ không được bảo vệ đồ án tốt nghiệp).

- Trong mỗi học kỳ, mỗi giảng viên được hướng dẫn số lượng đề án/ khóa luận tốt nghiệp như sau :

CHỨC DANH	HƯỚNG DẪN	THÂM NIÊN
Giảng viên	≤ 5 sinh viên	≥ 3 năm giảng dạy
Giảng viên chính, Phó Giáo sư	≤ 8 sinh viên	
Thỉnh giảng	≤ 4 sinh viên	≥ 3 năm giảng dạy

*** Sinh viên không đủ điều kiện thực hiện khóa luận đợt này sẽ được tổ chức tốt nghiệp vào đợt tháng 03/2024.

b) Học phí và lệ phí bảo vệ tốt nghiệp:

- Sinh viên đóng học phí theo quy định của học phần tốt nghiệp trong chương trình đào tạo (1 tín chỉ khoá luận = 3 tín chỉ học phí).

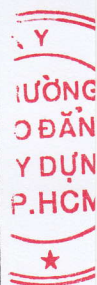
- Sinh viên đóng học phí : trước ngày 27/10/2023 tại Phòng Tài chính – Kế toán.

c) Thời gian làm đề án/ khoá luận tốt nghiệp:

- Thời gian làm đề án/ khoá luận tốt nghiệp, phản biện, bảo vệ: Tối đa 12 tuần

- Các mốc thời gian cụ thể như sau:

Stt	Công việc	Thời gian	Đơn vị chủ trì
1	Sinh viên đăng ký đề tài, nhận giảng viên hướng dẫn (kèm bảng điểm cá nhân, có xác nhận của Phòng Đào tạo)	09/10 – 13/10/2023	Khoa/ Bộ môn Phòng Đào tạo
2	Lập danh sách sinh viên đủ điều kiện làm đề án tốt nghiệp chuyển Phòng Đào tạo	16/10 – 18/10/2023	Khoa/ BM;
3	Cập nhật danh sách đủ điều kiện làm đề án tốt nghiệp lên phần mềm để Phòng Tài chính – Kế toán thu học phí	19/10 – 20/10/2023	P. Đào tạo
4	Sinh viên đóng học phí tại Phòng Tài chính – Kế toán	23/10- 27/10/2023	Sinh viên – P. TC- Kế toán
5	Thời gian thực hiện đề án/ khóa luận tốt nghiệp	30/10/2023 – 05/01/2024	Khoa/ Bộ môn; Sinh viên
6	Lập danh sách sinh viên đóng học phí chuyển Phòng Đào tạo và các Khoa/ Bộ môn	30/10 - 03/11/2023	P. TC- Kế toán
7	Thời gian phản biện (sơ khảo) đề án/ khóa luận tốt nghiệp	08/01 – 12/01/2024	Khoa/ Bộ môn; Giảng viên
8	Thành lập hội đồng bảo vệ đề án/ khóa luận tốt nghiệp	08/01 - 10/01/2024	Khoa/BM; P. Đào tạo
9	Thời gian bảo vệ đề án/ khóa luận tốt nghiệp	15/01 – 19/01/2024	Hội đồng



Các Khoa/ Bộ môn chuyên ngành có trách nhiệm công bố đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, giảng viên tham gia hội đồng và triển khai tổ chức thực hiện các nội dung liên quan nêu trên theo đúng quy định hiện hành và những nội dung được cụ thể hóa trong phần sau.

3. Đánh giá đề án/ khoá luận tốt nghiệp:

a) Đề án/ khoá luận tốt nghiệp sau khi thực hiện xong sẽ được đánh giá tùy theo các đơn vị đào tạo lựa chọn các hình thức sau:

- Mỗi đề án/ khoá luận tốt nghiệp phải được chấm phản biện hoặc chấm sơ khảo trước khi ra Hội đồng. Trong đó, chấm phản biện do 01 cán bộ thực hiện, chấm sơ khảo do Khoa/ BM thành lập hội đồng gồm 03 thành viên thực hiện. Điểm phản biện/ sơ khảo đạt từ 5.0 trở lên mới được bảo vệ tốt nghiệp.

- Mỗi đề án/ khoá luận tốt nghiệp phải được bảo vệ trước Hội đồng bảo vệ đề án/ khoá luận tốt nghiệp. Hội đồng bao gồm 05 thành viên (bao gồm chủ tịch và thư ký hội đồng).

b) Điểm đánh giá đề án/ khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 như sau:

- Kết quả điểm của đề án/ khoá luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm: Hướng dẫn (hệ số 1); Phản biện/ sơ khảo (hệ số 1); Trung bình cộng các điểm của 05 thành viên hội đồng bảo vệ (hệ số 3), trường hợp hội đồng có giảng viên hướng dẫn hoặc phản biện thì người hướng dẫn hoặc phản biện không cho điểm bảo vệ); được làm tròn đến 1 chữ số thập phân trước khi chuyển sang điểm chữ. Kết quả các điểm thành phần không được lệch quá 2 điểm so với điểm trung bình của hội đồng bảo vệ.

- Ý kiến nhận xét và điểm chấm được ghi trên Phiếu chấm do Khoa/ BM lập.

- Sau khi bảo vệ, Khoa/ BM có trách nhiệm công bố kết quả đề án/ khoá luận cho sinh viên và chuyển bản gốc về Phòng Đào tạo trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày bảo vệ.

- Điểm đề án/ khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

c) Hội đồng bảo vệ đề án/ khoá luận tốt nghiệp do Khoa/ BM chuyên ngành đề nghị. Trưởng khoa/ BM thuộc trường đề nghị danh sách giảng viên chấm hoặc bảo vệ đề án/ khoá luận tốt nghiệp chuyển về Phòng Đào tạo trước thời gian quy định 02 tuần để trình Hiệu trưởng quyết định.

Người tham gia chấm hoặc bảo vệ đề án/ khoá luận phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Giảng viên trong và ngoài trường có ít nhất 3 năm giảng dạy cao đẳng trở lên.
- Công chức mời giảng ở các cơ quan hoặc doanh nghiệp có trình độ tốt nghiệp đại học hệ chính quy trở lên và có thâm niên công tác tối thiểu 3 năm.

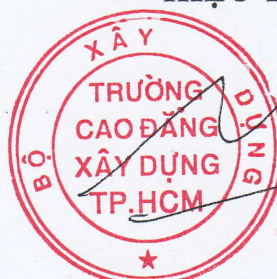
d) Sinh viên có khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại khoá luận tốt nghiệp.

Yêu cầu các Phòng, Khoa/ Bộ môn tổ chức thực hiện và thông báo các nội dung trên đến tất cả sinh viên có liên quan. *Đã*

Nơi nhận:

- BLD (b/c);
- Các phòng ban;
- Khoa/BM/TTĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Ths. Nguyễn Bá Khiêm

DANH MỤC HỌC PHẦN TIÊN QUYẾT KHI NHẬN KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
(Đính kèm Kế hoạch thực hiện tốt nghiệp số: 718 /KH-CDXD ngày 22 tháng 9 năm 2023)

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối kiến thức cơ sở/ chuyên ngành	Ghi chú
I. Ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng					
A. Đối với Khoá 2019:					
NHÓM 1: KẾT CẤU			14		
1	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở ngành	
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23502103	Sức bền vật liệu 2	2	Chuyên ngành	
4	23501106	Đồ án nền móng	2	Chuyên ngành	
5	23501105	Đồ án bê tông	2	Chuyên ngành	
6	23401117	Thực tập tốt nghiệp ngành Xây dựng	3	Chuyên ngành	
NHÓM 2: THI CÔNG			14		
1	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở ngành	
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23506006	Đồ án kỹ thuật thi công	2	Chuyên ngành	
4	23506010	Đồ án tổ chức thi công	2	Chuyên ngành	
5	23501105	Đồ án bê tông	2	Chuyên ngành	
6	23401117	Thực tập tốt nghiệp ngành Xây dựng	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2020:			14		
1	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở ngành	
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23506006	Đồ án kỹ thuật thi công	2	Chuyên ngành	
4	23506010	Đồ án tổ chức thi công	2	Chuyên ngành	
5	23501105	Đồ án bê tông	2	Chuyên ngành	
6	23401117	Thực tập tốt nghiệp ngành Xây dựng	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2021:			14		
1	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	Cơ sở ngành	
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	Chuyên ngành	
3	23506127	Thực hành lập biện pháp KTTC	2	Chuyên ngành	
4	23506128	Thực hành lập biện pháp TCTC	2	Chuyên ngành	
5	23501109	Thực hành kết cấu BTCT	2	Chuyên ngành	
6	23401117	Thực tập tốt nghiệp ngành Xây dựng	3	Chuyên ngành	

II. Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông					
A. Đối với Khoá 2019:			7		
1	23503116	Thiết kế đường ô tô	2	Chuyên ngành	
2	23503113	Thi công đường ô tô	2	Chuyên ngành	
3	23503117	Thực tập tốt nghiệp ngành giao thông	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2020:			11		
1	23503116	Thiết kế đường ô tô	2	Chuyên ngành	
2	23503113	Thi công đường ô tô	2	Chuyên ngành	
3	23503104	Đồ án thiết kế đường ô tô	2	Chuyên ngành	
4	23503102	Đồ án thi công đường ô tô	2	Chuyên ngành	
5	23503117	Thực tập tốt nghiệp ngành giao thông	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2021:			11		
1	23503116	Thiết kế đường ô tô	2	Chuyên ngành	
2	23503121	Thi công đường ô tô	2	Chuyên ngành	
3	23503118	Đồ án thiết kế đường ô tô	2	Chuyên ngành	
4	23503122	Đồ án thi công đường ô tô	2	Chuyên ngành	
5	23503117	Thực tập tốt nghiệp ngành giao thông	3	Chuyên ngành	
III. Ngành Quản lý xây dựng					
A. Đối với Khoá 2019, 2020:			10		
1	23601102	Định mức đơn giá	2	Chuyên ngành	
2	23601103	Dự toán xây dựng	3	Chuyên ngành	
3	23601110	Tin học trong QLXD	2	Chuyên ngành	
4	23600103	Thực tập tốt nghiệp ngành QLXD	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2021:			12		
1	23601106	Kinh tế xây dựng	2	Cơ sở ngành	
2	23601102	Định mức đơn giá	2	Chuyên ngành	
3	23601103	Dự toán xây dựng	3	Chuyên ngành	
4	23601110	Tin học trong QLXD	2	Chuyên ngành	
5	23600103	Thực tập tốt nghiệp ngành QLXD	3	Chuyên ngành	
IV. Ngành Cấp, thoát nước					
A. Đối với Khoá 2019, 2020:			7		
1	23700104	Đồ án thiết kế hệ thống cấp nước	2	Chuyên ngành	
2	23700105	Đồ án thiết kế hệ thống thoát nước	2	Chuyên ngành	
3	23700120	Thực tập tốt nghiệp ngành cấp thoát nước	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2021:			5		
1	23700128	Đồ án mạng lưới cấp nước	1	Chuyên ngành	
2	23700130	Đồ án mạng lưới thoát nước	1	Chuyên ngành	
3	23700120	Thực tập tốt nghiệp ngành cấp thoát nước	3	Chuyên ngành	

V. Ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng					
A. Đối với khoá 2019			17		
1	23900118	Vật liệu xây dựng	3	Cơ sở ngành	
2	23900114	Thí nghiệm vật liệu xây dựng đại cương	2	Cơ sở ngành	
3	23900113	Thí nghiệm vật liệu xây dựng chuyên ngành	3	Chuyên ngành	
4	23900103	Công nghệ bê tông	3	Chuyên ngành	
5	23900104	Công nghệ gốm sứ xây dựng	3	Chuyên ngành	
6	23900115	Thực tập tốt nghiệp ngành VLXD	3	Chuyên ngành	
B. Đối với khoá 2020			15		
1	23900118	Vật liệu xây dựng	3	Cơ sở ngành	
2	23900103	Công nghệ bê tông	3	Chuyên ngành	
3	23900104	Công nghệ gốm sứ xây dựng	3	Chuyên ngành	
4	23900108	Kỹ thuật sản xuất chất kết dính	3	Chuyên ngành	
5	23900115	Thực tập tốt nghiệp ngành VLXD	3	Chuyên ngành	
C. Đối với khoá 2021			12		
1	23900118	Vật liệu xây dựng	3	Cơ sở ngành	
2	23900103	Công nghệ bê tông	3	Chuyên ngành	
3	23900104	Công nghệ gốm sứ xây dựng	3	Chuyên ngành	
4	23900115	Thực tập tốt nghiệp ngành VLXD	3	Chuyên ngành	
VI. Ngành Công nghệ kỹ thuật kiến trúc					
A. Đối với Khoá 2019			17		
1	23504001	Cấu tạo kiến trúc 1	3	Cơ sở ngành	
2	23504004	Thiết kế kiến trúc 1	3	Chuyên ngành	
3	23504012	Đồ án kiến trúc 1	2	Chuyên ngành	
4	23504013	Đồ án kiến trúc 2	2	Chuyên ngành	
5	23504014	Đồ án kiến trúc 3	2	Chuyên ngành	
6	23504017	Đồ án kiến trúc 6	2	Chuyên ngành	
7	23504021	Thực tập tốt nghiệp ngành Kiến trúc	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2020			15		
1	24201101	Cấu tạo kiến trúc 1	3	Cơ sở ngành	
2	24202111	Thiết kế kiến trúc 1	3	Chuyên ngành	
3	24202103	Đồ án kiến trúc 3	2	Chuyên ngành	
4	24202104	Đồ án kiến trúc 4	2	Chuyên ngành	
5	24202106	Đồ án kiến trúc 6	2	Chuyên ngành	
6	24202114	Thực tập tốt nghiệp ngành Kiến trúc	3	Chuyên ngành	
C. Đối với Khoá 2021			13		

1	24201124	Cấu tạo kiến trúc	3	Cơ sở ngành	
2	24202111	Thiết kế kiến trúc 1	3	Chuyên ngành	
3	24202103	Đồ án kiến trúc 3	2	Chuyên ngành	
4	24202104	Đồ án kiến trúc 4	2	Chuyên ngành	
5	24202114	Thực tập tốt nghiệp ngành Kiến trúc	3	Chuyên ngành	
VII. Ngành Thiết kế nội thất					
A. Đối với Khoá 2019			17		
1	24201117	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	Chuyên ngành	
2	24201118	Vật liệu và kỹ thuật hoàn thiện nội thất	2	Chuyên ngành	
3	24202115	Đồ án nội thất 1	2	Chuyên ngành	
4	24202116	Đồ án nội thất 2	2	Chuyên ngành	
5	24202117	Đồ án nội thất 3	2	Chuyên ngành	
6	24202118	Đồ án nội thất 4	3	Chuyên ngành	
7	24202119	Thực tập tốt nghiệp ngành TKNT	3	Chuyên ngành	
B. Đối với Khoá 2020			15		
1	24201117	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	Chuyên ngành	
2	24201118	Vật liệu và kỹ thuật hoàn thiện nội thất	2	Chuyên ngành	
3	24202115	Đồ án nội thất 1	2	Chuyên ngành	
4	24202116	Đồ án nội thất 2	2	Chuyên ngành	
5	24202118	Đồ án nội thất 4	3	Chuyên ngành	
6	24202119	Thực tập tốt nghiệp ngành TKNT	3	Chuyên ngành	
C. Đối với khoá 2021			13		
1	24201117	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	Chuyên ngành	
2	24201131	Vật liệu và kỹ thuật hoàn thiện nội thất	2	Chuyên ngành	
3	24202116	Đồ án nội thất 2	2	Chuyên ngành	
4	24202118	Đồ án nội thất 4	3	Chuyên ngành	
5	24202119	Thực tập tốt nghiệp ngành TKNT	3	Chuyên ngành	